

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2021/LĐ-ST

Ngày: 26/02/2021

*V/v tranh chấp tiền lương và
tranh chấp về xử lý kỷ luật lao
động bằng hình thức sa thải*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Cử nhân Luật;
2. Ông Tô Thiện Tấn – Cán bộ công tác tại Liên đoàn lao động tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 01 năm 2021; ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 45/2020/TLST-LĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp tiền lương và tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-LĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST – LĐ ngày 24 tháng 12 năm 2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2021/QĐST – LĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 2, khu phố P, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin giải quyết vắng mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH Hiệp Gia P; trụ sở: Số 140 khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thu N, chức danh: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Ông Nguyễn Văn G vào làm việc tại Công ty TNHH Hiệp Gia P (gọi tắt là công ty) vào ngày 05/10/2018. Ngày 01/4/2019, Công ty thỏa thuận ký hợp đồng không xác định thời hạn với ông G; công việc phải làm là quản đốc phân xưởng sản xuất; địa điểm làm việc tại trụ sở công ty; mức lương thỏa thuận 16.000.000 đồng/tháng (gồm: Lương cơ bản 4.697.000 đồng; phụ cấp chức vụ + trách nhiệm: 8.000.000 đồng; phụ cấp độc hại: 2.000.000 đồng; phụ cấp chuyên cần 1.000.000 đồng; phụ cấp điện thoại 303.000 đồng); một tháng làm 26 ngày.

Mặc dù Công ty không ký hợp đồng với ông G nhưng từ tháng 4/2019 Công ty đã tham gia bảo hiểm xã hội cho ông G theo quy định.

Quá trình làm việc tại công ty, ông G luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, đến ngày 27/11/2019 khi ông đi làm thì nhận được thông tin Công ty cho ông nghỉ việc nhưng không có lý do. Ông G đã nhiều lần liên hệ Công ty để yêu cầu trả lời về lý do cho ông nghỉ việc nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi nào. Đến thời điểm hiện nay ông G vẫn chưa nhận được quyết định nào từ Công ty và cũng chưa được thanh toán tiền lương tháng 11/2019 và các chế độ khác liên quan.

Ngày 01/12/2019, ông G làm đơn gửi Liên đoàn lao động thành phố nhờ can thiệp nhưng phía Công ty không chấp hành theo thư mời nên không hòa giải được.

Nhận thấy, lý do công ty cho nghỉ việc không có căn cứ và không đảm bảo thời gian báo trước, đây là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, nên ông yêu cầu công ty phải bồi thường các khoản sau:

- Thanh toán tiền lương tháng 11/2019 còn lại là 13.000.000 đồng;
- Bồi thường tiền lương những ngày không được làm việc từ tháng 12/2019 đến tháng 7/2020 là: 08 tháng x 16.000.000 đồng = 128.000.000 đồng.
- Bồi thường 02 tháng tiền lương do Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật là: 02 tháng x 16.000.000 đồng = 32.000.000 đồng.
- Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn nhận trở lại làm việc nên yêu cầu bồi thường 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động là: 16.000.000 đồng x 02 tháng = 32.000.000 đồng.
- Bồi thường do vi phạm thời gian báo trước 45 ngày là 24.000.000 đồng;
- Buộc Công ty trả lại sổ BHXH, BHYT và chốt sổ trong thời gian ông đã đóng BHXH tại Công ty từ tháng 4/2019 đến tháng 11/2019.

Ngày 03/12/2020, nguyên đơn rút phần yêu cầu buộc Công ty trả lại sổ BHXH, BHYT và chốt sổ trong thời gian ông đã đóng BHXH tại Công ty từ tháng 4/2019 đến tháng 11/2019 và rút yêu cầu về việc buộc Công ty bồi thường 45 ngày do vi phạm thời gian báo trước và 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động.

Nguyên đơn xác định mức lương làm căn cứ bồi thường gồm tiền lương cơ bản và các khoản phụ cấp chức vụ và trách nhiệm, tổng cộng là 12.697.000 đồng/tháng.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương còn lại của tháng 11/2019 và bồi thường thời gian mất việc làm là 08 tháng (tính từ tháng 12/2019 đến tháng 7/2020) và 02 tháng lương theo hợp đồng, tổng cộng: số tiền nguyên đơn yêu cầu bồi thường là: 139.970.000 đồng.

- *Đối với bị đơn Công ty TNHH Hiệp Gia P:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai để yêu cầu người đại diện theo pháp luật của bị đơn có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như cung cấp các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp bất cứ chứng cứ gì khác. Ngày 30/11/2020, Tòa án triệu tập người đại diện theo pháp luật của bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu người đại diện theo pháp luật của bị đơn tham gia phiên tòa vào ngày 24/12/2020, ngày 18/01/2021; ngày 04/02/2021 và ngày 26/02/2021 nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Hiệp Gia P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng không rõ lý do. Căn cứ chứng cứ do Tòa án thu thập tại Phòng lao động thương binh và xã hội thị xã D (nay là thành phố D) thì tại công văn không số ngày 21/12/2019 bị đơn xác định đã chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn với hình thức là sa thải. Đồng thời, nguyên đơn xác định khi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật bị đơn chưa thanh toán khoản tiền lương còn lại của tháng 11/2019 cho nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương tháng 11/2019 và buộc bị đơn bồi thường thiệt hại do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, căn cứ yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp tiền lương và Tranh chấp về xử lý kỷ luật bằng hình thức sa thải” cho đúng với yêu cầu khởi kiện

của nguyên đơn và để đảm bảo việc áp dụng pháp luật và giải quyết vụ án được chính xác.

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH Hiệp Gia P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt Công ty TNHH Hiệp Gia P và nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về giao kết hợp đồng lao động: Nguyên đơn xác định bắt đầu vào làm việc tại Công ty TNHH Hiệp Gia P từ ngày 05/10/2018 đến ngày 01/4/2019 thì được Công ty thỏa thuận ký hợp đồng không xác định thời hạn bằng miệng. Tháng 4/2019 nguyên đơn được tham gia BHXH theo quy định. Căn cứ trình bày của nguyên đơn, Đơn xin xác nhận ngày 17/4/2019; Văn bản ngày 21/12/2019 và Quyết định số 01/2019/QĐ - Cty ngày 27/11/2019 của Công ty Hiệp Gia P gửi cho Phòng lao động – Thương binh và xã hội thành phố D có cơ sở xác định ông G đã làm việc tại Công ty Hiệp Gia P từ ngày 05/10/2018, với chức vụ Quản đốc, mức lương 16.000.000 đồng/tháng. Ngày 28/11/2019 ông G bị Công ty Hiệp Gia P sa thải nhưng không nhận được Quyết định xử lý kỷ luật.

[2.2] Về tính hợp pháp của việc chấm dứt hợp đồng lao động: Nguyên đơn xác định bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày 27/11/2019 không có lý do; tại công văn không số ngày 21/12/2019 gửi Phòng lao động thương binh và xã hội thị xã D (nay là thành phố D) bị đơn xác định đã chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn bằng hình thức là sa thải với lý do “Với cương vị là Quản đốc, đã chỉ đạo và điều hành xưởng gỗ làm sai các sản phẩm...tổng thiệt hại 102.000.000 đồng”. Bị đơn không cung cấp hồ sơ xử lý kỷ luật đối với nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 123 Bộ luật lao động năm 2012 và Điều 30 Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 14/10/2018 của Chính phủ thì Công ty Hiệp Gia P xử lý kỷ luật ông G bằng hình thức sa thải nhưng không chứng minh được lỗi của người lao động, không có sự tham gia của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở và không có mặt người lao động, người lao động không được bào chữa và công ty không gửi quyết định xử lý kỷ luật cho người lao động là vi phạm nguyên tắc, trình tự thủ tục xử lý kỷ luật lao động. Do đó, căn cứ Điều 126 Bộ luật lao động thì Công ty Hiệp Gia P sa thải ông G là trái pháp luật.

Từ những phân tích ở trên, xét có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Về yêu cầu thanh toán tiền lương tháng 11/2019: Nguyên đơn xác định Công ty trả lương vào ngày mùng 05 hàng tháng, trả bằng tiền mặt, không có phiếu cụ thể cho từng người, chỉ ký vào bảng lương tổng do Công ty giữ. Căn cứ biên bản xác minh tại Bảo hiểm xã hội thành phố D thể hiện tháng 11/2019, Công ty Hiệp Gia P có đóng bảo hiểm cho ông G. Như vậy, tháng 11/2019 ông G có làm việc và đến ngày 27/11/2019 thì bị Công ty sa thải nên chưa nhận được lương. Quá trình tố tụng, nguyên đơn thừa nhận đã ứng trước 3.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu Công ty trả 13.000.000 đồng tiền lương còn lại của tháng 11/2019 là có cơ sở (1).

[2.4] Ngày 03/12/2020, nguyên đơn rút phần yêu cầu buộc Công ty trả lại sổ BHXH, BHYT và chốt sổ trong thời gian ông đã đóng BHXH tại Công ty từ tháng

4/2019 đến tháng 11/2019 và rút yêu cầu về việc buộc Công ty bồi thường 45 ngày do vi phạm thời gian báo trước và 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu trên.

[2.5] Tại khoản 3 Điều 33 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật lao động quy định trường hợp kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải trái pháp luật thì người lao động có nghĩa vụ thực hiện các quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 42 Bộ luật lao động năm 2012. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Công ty bồi thường các khoản gồm:

- Bồi thường tiền lương những ngày không được làm việc từ tháng 12/2019 đến tháng 7/2020 là: 08 tháng x 12.697.000 đồng = 101.576.000 đồng. (2)

- Bồi thường 02 tháng tiền lương do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là: 02 tháng x 12.697.000 đồng = 25.394.000 đồng. (3)

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải bồi thường và thanh toán cho nguyên đơn là (1) + (2) + (3) là: 139.970.000 đồng.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D là phù hợp.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu. Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 32, 147, 227, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 22, 38, 41, 42 và 90 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 21 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G đối với Công ty TNHH Hiệp Gia P về việc tranh chấp tiền lương và tranh chấp về xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải.

Buộc Công ty TNHH Hiệp Gia P phải thanh toán tiền lương tháng 11/2019 và bồi thường cho ông Nguyễn Văn G do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với tổng số tiền 139.970.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G về việc buộc Công ty TNHH Hiệp Gia P trả lại sổ BHXH, BHYT và chốt sổ trong thời gian làm việc tại

Công ty từ tháng 4/2019 đến tháng 11/2019; buộc Công ty bồi thường 45 ngày do vi phạm thời gian báo trước và 02 tháng tiền lương để chấm dứt hợp đồng lao động

3. Án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn G không phải chịu. Công ty TNHH Hiệp Gia P phải chịu 4.199.100 đồng.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thắm